

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng**
Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
Tên tiếng Anh: **Business Administration**
Mã ngành: **8340101**
Hình thức đào tạo: **Chính quy; Vừa làm vừa học**

Bình Định, 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3213/QĐ-ĐHQN, ngày 03 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
Tên tiếng Anh: Business Administration
Mã ngành: 8340101
Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh cung cấp cho học viên kiến thức chuyên môn hiện đại, toàn diện trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Trang bị kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học, kiến thức nâng cao và toàn diện của ngành và liên ngành làm nền tảng vững chắc cho việc tiếp nhận, vận dụng và kiến tạo tốt kiến thức ngành quản trị kinh doanh.

+ PO2: Trang bị kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực quản trị cốt lõi trong tổ chức như: Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị chiến lược, Quản trị tác nghiệp...

+ PO3: Trang bị các kiến thức cập nhật thực tiễn về quản trị kinh doanh hiện đại ở Việt Nam và trên thế giới.

- Về kỹ năng

+ PO4: Trang bị kỹ năng phát hiện, phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về kinh doanh và quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định quản trị, kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh...

+ PO5: Nâng cao kỹ năng ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn, xử lý các tình huống quản trị và kinh doanh.

+ PO6: Nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Nâng cao khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.

+ PO8: Có khả năng nhận định, đánh giá dự báo những thay đổi của môi trường để đưa ra các quyết định tối ưu cho công tác quản trị của doanh nghiệp.

+ PO9: Có khả năng đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ đồng thời bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng:

- Đảm nhận các vị trí quản trị trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, cơ quan quản lý nhà nước.

- Giữ vị trí là các chuyên gia tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp trong tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị doanh nghiệp, tổ chức.

- Khởi nghiệp và trở thành chủ doanh nghiệp hoặc giữ vị trí giám đốc điều hành tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Giữ vị trí là các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh ở các viện nghiên cứu kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước.

- Nghiên cứu để giảng dạy chuyên sâu về quản trị kinh doanh ở các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp; tiếp tục tham gia nghiên cứu ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về chuyên ngành quản trị kinh doanh.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

- Kiến thức cơ sở

1) PLO1: Hiểu và vận dụng được cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học, kiến thức nâng cao và toàn diện về kinh tế và quản trị kinh doanh hiện đại vận dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- Kiến thức chuyên sâu của ngành

2) PLO2: Tổng hợp được kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp như: quản trị chiến lược, quản trị Marketing, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực, quản trị dự án, quản trị sự đổi mới, quản trị rủi ro....

3) PLO3: Hiểu rõ và vận dụng được các kiến thức chung về kinh doanh và quản trị trong phân tích và giải quyết các vấn đề về hoạch định, tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp một cách sáng tạo.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng chung

4) PLO4: Phân biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá được dữ liệu và thông tin để đưa

ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học và tiên tiến.

5) PLO5: Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

6) PLO6: Sử dụng các công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.

- Kỹ năng chuyên môn

7) PLO7: Tổng hợp, truyền đạt, phổ biến được tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng và khác ngành.

8) PLO8: Làm chủ được các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định và hoạch định chiến lược kinh doanh để tổ chức, quản trị được các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

9) PLO9: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

10) PLO10: Thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh trong môi trường hội nhập, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ.

11) PLO11: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

12) PLO12: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

4. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh.

- Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp: Thuộc nhóm ngành Kinh doanh (73401) trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT. Các ngành phù hợp bao gồm:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp	Ghi chú
1	QTKD	Marketing	
2	QTKD	Bất động sản	
3	QTKD	Kinh doanh quốc tế	
4	QTKD	Kinh doanh thương mại	
5	QTKD	Thương mại điện tử	
6	QTKD	Kinh doanh thời trang và dệt may	

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành cần bổ sung kiến thức: Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức và học phần cần học bổ sung kiến thức bao gồm:

STT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành cần bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung	Ghi chú
1	QTKD	Tài chính – Ngân hàng	Khởi sự kinh doanh	Tùy trường hợp cụ thể Khoa đề xuất học phần bổ sung kiến thức
2	QTKD	Bảo hiểm		
3	QTKD	Kế toán		
4	QTKD	Kiểm toán		
5	QTKD	Khoa học quản lý		
6	QTKD	Quản lý công		
7	QTKD	Quản trị nhân lực		
8	QTKD	Hệ thống thông tin quản lý		
9	QTKD	Quản trị văn phòng		
10	QTKD	Quan hệ lao động		
11	QTKD	Quản lý dự án		
12	QTKD	Các ngành còn lại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT (trừ nhóm ngành thuộc mã 73401)	- Khởi sự kinh doanh - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Quản trị học	
13	QTKD	Những ngành khác thì xem xét từng trường hợp		

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021).

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

6.1. Thời gian đào tạo: 2 năm

6.2. Khối lượng kiến thức toàn khoa: 60 tín chỉ (bao gồm 06 tín chỉ thực tập và 09 tín chỉ Đề án tốt nghiệp)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	4
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47
Các học phần bắt buộc	27
Các học phần tự chọn	20
Luận văn/Đề án thay thế/Khác	9
Tổng	60

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Học phần lý thuyết:

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong 3 nhóm trọng số		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Quá trình	<i>* Đánh giá chuyên cần: tham dự lớp học đầy đủ. * Học viên làm một bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần. * Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách học phần. - Tiêu chí đánh giá: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo, bài tập lớn theo quy định chi tiết trong M4 của học phần. * Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu chi tiết trong M4 của học phần.</i>	30%	40%	50%
2	Cuối kỳ	<i>Thi kết thúc học phần * Hình thức thi: Viết/vấn đáp. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án hoặc yêu</i>	70%	60%	50%

		<p><i>câu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</i></p> <p><i>* Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch/tiểu luận</i></p> <p><i>- Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài theo yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</i></p>			
--	--	--	--	--	--

- Học phần thực tập chuyên môn

50% điểm quá trình (giảng viên hướng dẫn); 50% điểm vấn đáp chấm báo cáo (thành viên đánh giá vấn đáp được thành lập theo quyết định của khoa).

Tiêu chí đánh giá: được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

- Đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

8.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành.

9. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT			
I. Phần kiến thức chung					4					
1	XHTH	501	Triết học	1	4	3	1		K.LLCT-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành					56					
<i>II.1. Phần bắt buộc</i>					<i>27</i>					
2	QTKT	102	Kinh tế quản lý	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
3	QTPP	103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
4	QTCL	201	Quản trị chiến lược	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	
5	QTTN	202	Quản trị tác nghiệp	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	
6	QTNL	104	Quản trị nguồn nhân lực	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
7	QTMK	105	Quản trị marketing	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
8	QTTC	203	Quản trị tài chính	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	
9	QTTT	301	Thực tập chuyên môn 1	3	2		2		TC-NH & QTKD	
10	QTTT	401	Thực tập chuyên môn 2	4	4		4		TC-NH & QTKD	

II.2. Phần tự chọn (20/42 Tín chỉ)					20					
Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần					2					
11	QTĐP	204	Kỹ năng đàm phán	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
12	QTLĐ	205	Lãnh đạo	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
13	QTĐM	206	Quản trị sự đổi mới	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
Tự chọn 2: Chọn 4 trong 6 học phần					12					
14	QTHV	302	Hành vi tổ chức	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
15	QTDA	303	Quản trị dự án	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
16	QTQT	304	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
17	QTRR	305	Quản trị rủi ro	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
18	QTCU	306	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
19	QTKT	307	Kế toán quản trị	3	3	2	1			Kinh tế & Kế toán
Tự chọn 3: Chọn 2 trong 6 học phần					4					
20	QTCL	207	Quản trị chất lượng	2	2	2	0			TC-NH & QTKD
21	QTKH	208	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2	2	0			TC-NH & QTKD
22	QTTĐ	209	Thương mại điện tử	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
23	QTDM	210	Digital marketing	2	2	2	0			TC-NH & QTKD
24	QTĐT	211	Quản trị danh mục đầu tư	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
25	QTLH	212	Quản trị hãng lữ hành	2	2	1		1		TC-NH & QTKD
Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần					2					
26	QTTK	308	Thông kê và phân tích dữ liệu kinh doanh	3	2	1		1		Toán & Thống kê
27	QTTN	309	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	2	1	1			TC-NH & QTKD
28	QTCS	310	Phân tích chính sách công	3	2	1	1			TC-NH & QTKD
III. Đề án tốt nghiệp					9					
29	QTĐA	402	Đề án tốt nghiệp	4	9					TC-NH & QTKD
Tổng cộng					60					

Bảng Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra

STT	Tên HP	PLOs											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Triết học	x			x			x					
2	Kinh tế quản lý	x		x	x	x	x	x	x	x			
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	x		x	x	x	x	x				x	
4	Quản trị chiến lược	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Quản trị tác nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Quản trị nguồn nhân lực	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Quản trị marketing	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Quản trị tài chính	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Thực tập chuyên môn 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Thực tập chuyên môn 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11	Kỹ năng đàm phán	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
12	Lãnh đạo	x		x							x	x	x
13	Quản trị sự đổi mới	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
14	Hành vi tổ chức	x	x	x	x			x	x	x	x	x	
15	Quản trị dự án	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
16	Quản trị kinh doanh quốc tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
17	Quản trị rủi ro	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
18	Quản trị chuỗi cung ứng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
19	Kế toán quản trị			x			x	x	x	x	x	x	x
20	Quản trị chất lượng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
21	Quản trị quan hệ khách hàng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
22	Thương mại điện tử	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
23	Digital marketing	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
24	Quản trị danh mục đầu tư	x	x	x	x		x	x	x		x	x	x
25	Quản trị hãng lữ hành	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
26	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh	x		x	x			x	x		x		x
27	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	x		x	x			x	x	x	x	x	x
28	Phân tích chính sách công	x			x			x	x	x	x	x	x
29	Đề án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung				4						
1	XHTH	501	Triết học	4	x				K.LLCT-L -QLNN	K.LLCT-L -QLNN

II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành				56						
II.1. Bắt buộc				27						
2	QTKT	102	Kinh tế quản lý	3	x				TS. Trần Thị Thanh Diệu TS. Trần Thị Diệu Hương TS. Võ Hải Long	TC-NH& QTKD
3	QTPP	103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	x				TS. Nguyễn Hoàng Phong TS. Đặng Thị Thanh Loan PGS. TS. Lê Văn Huy	TC-NH& QTKD
4	QTCL	201	Quản trị chiến lược	3		x			TS. Nguyễn Chí Tranh TS. Nguyễn Thị Hạnh TS. Nguyễn Ngọc Điện	TC-NH &QTKD
5	QTTN	202	Quản trị tác nghiệp	3		x			TS. Đặng Thị Thanh Loan TS. Trần Thanh Phong	TC-NH &QTKD
6	QTNL	104	Quản trị nguồn nhân lực	3	x				TS. Nguyễn Thị Kim Ánh TS. Phạm Thị Hương PGS. TS. Đào Hữu Hòa	TC-NH &QTKD
7	QTMK	105	Quản trị marketing	3	x				TS. Lê Dzu Nhật TS. Nguyễn Hà Thanh Thảo PGS. TS. Hồ Huy Tự	TC-NH &QTKD
8	QTTC	203	Quản trị tài chính	3		x			TS. Phan Trọng Nghĩa TS. Phan Thị Quốc Hương TS. Vương Bảo Ngọc	TC-NH &QTKD
9	QTTT	301	Thực tập chuyên môn 1	2			x		Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH &QTKD
10	QTTT	401	Thực tập chuyên môn 2	4				x	Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH &QTKD
II.2. Phần tự chọn (20/42 Tín chỉ)				20						
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				2						
11	QTĐP	204	Kỹ năng đàm phán	2		x			TS. Đặng Hồng Vương TS. Vũ Thị Nữ	TC-NH& QTKD
12	QTLĐ	205	Lãnh đạo	2		x			TS. Trịnh Thị Thúy Hồng PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ	TC-NH& QTKD
13	QTĐM	206	Quản trị sự đổi mới	2		x			TS. Kiều Thị Hương TS. Đặng Trương Cát My	TC-NH& QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 4 trong 6 học phần</i>				12						
14	QTHV	302	Hành vi tổ chức	3			x		TS. Nguyễn Thị Hạnh TS. Đặng Trương Cát My PGS. TS. Nguyễn Phúc Nguyên	TC-NH& QTKD
15	QTDA	303	Quản trị dự án	3			x		TS. Phan Thị Quốc Hương TS. Kiều Thị Hương	TC-NH& QTKD
16	QTQT	304	Quản trị kinh doanh quốc tế	3			x		PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ TS. Nguyễn Thị Kim Ánh	TC-NH& QTKD
17	QTRR	305	Quản trị rủi ro	3			x		TS. Võ Hải Long TS. Phạm Thị Bích Duyên TS. Đặng Trương Cát My	TC-NH& QTKD
18	QTCU	306	Quản trị chuỗi cung ứng	3				x	TS. Vũ Thị Nữ TS. Kiều Thị Hương PGS. TS. Nguyễn Thành Hiếu	TC-NH& QTKD

19	QTKT	307	Kế toán quản trị	3		x	PGS. TS. Trần Thị Cẩm Thanh TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kinh tế và Kế toán
<i>Tự chọn 3: Chọn 2 trong 6 học phần</i>				4				
20	QTCL	207	Quản trị chất lượng	2		x	TS. Nguyễn Hà Thanh Thảo TS. Trương Thị Ngọc Thuyền	TC-NH& QTKD
21	QTKH	208	Quản trị quan hệ khách hàng	2		x	TS. Phạm Thị Thúy Hằng TS. Trần Thị Thanh Diệu PGS. TS. Phạm Thị Lan Hương	TC-NH& QTKD
22	QTTĐ	209	Thương mại điện tử	2		x	TS. Đặng Hồng Vương TS. Vũ Thị Nữ	TC-NH& QTKD
23	QTDM	210	Digital marketing	2		x	TS. Lê Dzu Nhật TS. Đinh Tiên Minh	TC-NH& QTKD
24	QTĐT	211	Quản trị danh mục đầu tư	2		x	TS. Trần Thị Diệu Hương TS. Phan Trọng Nghĩa	TC-NH& QTKD
25	QTLH	212	Quản trị hăng lữ hành	2		x	TS. Trần Thanh Phong PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh	TC-NH& QTKD
<i>*Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				2				
26	QTTK	308	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh	2		x	TS. Lâm Thị Thanh Tâm TS. Lê Thanh Bình	Toán và Thống kê
27	QTTN	309	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2		x	TS. Phạm Thị Bích Duyên TS. Phạm Thị Thúy Hằng	TC-NH& QTKD
28	QTCS	310	Phân tích chính sách công	2		x	TS. Lê Việt An TS. Nguyễn Thị Kim Hiền	TC-NH& QTKD
III. Đề án tốt nghiệp				9				
29	QTĐA	402	Đề án tốt nghiệp	9		x	Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH& QTKD
Tổng cộng				60				

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh khoá 24 (đợt tuyển sinh sau ngày 15/10/2021) cho học viên ngành Quản trị kinh doanh.

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trưởng khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật ít nhất 2 năm một lần, đáp ứng sự phát triển của ngành Quản trị kinh doanh và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.